

DANH MỤC TTHC MỨC ĐỘ 4
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ
(Kèm theo Công văn số 100 /CV-UBND ngày 19 tháng 05 năm 2023)

STT	MÃ THỦ TỤC	MỨC ĐỘ	TÊN TTHC	THUỘC LĨNH VỰC
1	2.000908.000.00.00.H23	Mức độ 4	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Chứng thực
2	2.001009.000.00.00.H23	Mức độ 4	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Chứng thực
3	2.000942.000.00.00.H23	Mức độ 4	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Chứng thực
4	2.002396.000.00.00.H23	Mức độ 4	Thủ tục Giải quyết tố cáo tại cấp xã	Giải quyết tố cáo
5	1.000894.000.00.00.H23	Mức độ 4	Thủ tục đăng ký kết hôn	Hộ tịch
6	1.000593.000.00.00.H23		Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	Hộ tịch
7	1.004837.000.00.00.H23	Mức độ 4	Thủ tục đăng ký giám hộ	Hộ tịch
8	1.004845.000.00.00.H23	Mức độ 4	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	Hộ tịch
9	2.000635.000.00.00.H23	Mức độ 4	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch	Hộ tịch
10	2.001255.000.00.00.H23	Mức độ 4	Thủ tục đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi
11	2.001457.000.00.00.H23	Mức độ 4	Thủ tục công nhận Tuyên truyền viên pháp luật	Phổ biến giáo dục pháp luật
12	2.001449.000.00.00.H23	Mức độ 4	Thủ tục cho thôi làm Tuyên truyền viên pháp luật	Phổ biến giáo dục pháp luật
13	2.000930.000.00.00.H23	Mức độ 4	Thủ tục thôi làm hòa giải viên	Phổ biến giáo dục pháp luật
14	2.002080.000.00.00.H23	Mức độ 4	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	Phổ biến giáo dục pháp luật
15	2.000373.000.00.00.H23	Mức độ 4	Thủ tục công nhận hòa giải viên	Phổ biến giáo dục pháp luật
16	1.010945.000.00.00.H23	Mức độ 4	Thủ tục Tiếp công dân tại cấp xã	Tiếp công dân
17	2.002501.000.00.00.H23	Mức độ 4	Thủ tục Xử lý đơn tại cấp xã	Xử lý đơn thư